

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Giá cước bưu thiếp gia đình gửi vào miền Nam nay ấn định là Năm mươi đồng (50đ) một chiếc.

Điều 2. — Nghị định này thi hành kể từ ngày 16-12-1958. Các điều khoản trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. — Các ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông và Bưu điện, Tổng cục trưởng Tổng cục bưu điện có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 8 tháng 12 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện

Thứ trưởng

NGUYỄN HỮU MAI

NGHỊ ĐỊNH số 82-NĐ ngày 8-12-1958
cho áp dụng chế độ cấp phiếu đi tàu không phải trả tiền đối với cán bộ công nhân viên đường sắt ngoài biên chế.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

Căn cứ nghị định số 390-NĐ ngày 5-12-1957 quy định chế độ đi tàu không phải trả tiền cho cán bộ, công nhân viên trong biên chế của đường sắt;

Theo đề nghị của ông Chủ nhiệm Tổng cục đường sắt,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Chế độ cấp phiếu đi tàu không phải trả tiền quy định ở nghị định số 390-NĐ ngày 5-12-1957 cho cán bộ, công nhân viên trong biên chế đường sắt nay áp dụng cho cả cán bộ, công nhân viên ngoài biên chế đã công tác ở ngành đường sắt từ 18 tháng trở lên.

Điều 2. — Nghị định này bắt đầu thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1959.

Điều 3. — Các ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông và Bưu điện và Chủ nhiệm Tổng cục đường sắt có nhiệm vụ thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 8 tháng 12 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện

Thứ trưởng

LÊ DUNG

NGHỊ ĐỊNH số 84-NĐ ngày 12-12-1958
sửa đổi nghị định số 12-NĐ ngày 27-2-1958 quy định việc xử lý các bưu phẩm thiếu cước.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

Căn cứ nghị định số 237/NĐ ngày 29-12-1954 quy định việc gửi bưu phẩm đi Trung quốc và các nước đã đứt quan hệ bưu điện với Trung quốc;

Căn cứ nghị định số 8/NĐ ngày 7-1-1955 quy định cước phí bưu phẩm gửi ra nước ngoài

Căn cứ nghị định số 12/NĐ ngày 27-2-1958 quy định việc xử lý các bưu phẩm thiếu cước;

Theo đề nghị của ông Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay sửa đổi điều 4 nghị định số 12/NĐ ngày 27 tháng 2 năm 1958 của Bộ Giao thông và Bưu điện, mục nói về bưu phẩm gửi ra nước ngoài, như sau:

Những bưu phẩm gửi ra nước ngoài không dán tem hoặc dán thiếu tem thì Bưu điện không chuyên và trả lại người gửi để họ dán đủ tem. Trường hợp không tìm được người gửi thì bưu phẩm coi như là vô thừa nhận, Bưu điện lập biên bản hủy bỏ hay bán đấu giá, tiền bán được xung vào công quỹ.

Riêng đối với thư thì Bưu điện vẫn chuyên và thu ở người nhận một khoản tiền bằng hai lần tiền cước thiếu.

Điều 2. — Các ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông và Bưu điện, Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện, và các Ủy ban Hành chính khu, tỉnh có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 12 tháng 12 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Giao thông
và Bưu điện

NGUYỄN VĂN TRẦN

NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

NGHỊ ĐỊNH số 323-VP/NgĐ ngày 6-12-1958 ban hành bản thê lệ và biện pháp cho vay ngắn hạn đối với các tổ chức Mậu dịch quốc doanh đối ngoại.

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Chiếu sắc lệnh số 15-SL ngày 6 tháng 5 năm 1951 thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt nam;

Căn cứ quyết định số 130-TTg ngày 4 tháng 4 năm 1957 của Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng việc xây dựng các chế độ cho vay ngắn hạn đối với các ngành kinh tế quốc dân;

Căn cứ vào công văn số 5463-TN ngày 3 tháng 12 năm 1958 của Thủ tướng Chính phủ về sự đồng ý nội dung bản thê lệ và biện pháp tạm thời cho vay ngắn hạn đối với các tổ chức xuất nhập khẩu quốc doanh;

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1.— Nay ban hành bản thể lệ và biện pháp cho vay ngắn hạn đối với các tổ chức Mậu dịch quốc doanh đối ngoại định theo nghị định này.

Điều 2.— Các ông Chánh văn phòng, các ông Giám đốc các Vụ, Sở ở Ngân hàng trung ương và các ông Trưởng chi nhánh các Ngân hàng biên giới Trung — Việt và Hải phòng chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 6 tháng 12 năm 1958

Tổng giám đốc
Ngân hàng Quốc gia Việt nam
LÊ VIỆT LƯỢNG

THẺ LỆ VÀ BIỆN PHÁP TẠM THỜI CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC DOANH

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Mục A — MỤC ĐÍCH CHO VAY

Điều 1.— Ngân hàng Quốc gia Việt nam (Sở Quản lý, Ngoại hối) cho các tổ chức xuất nhập khẩu quốc doanh vay ngắn hạn, nhằm mục đích :

Đảm bảo nhu cầu vốn luân chuyển của các tổ chức ấy để hoàn thành tốt kế hoạch xuất nhập khẩu do Chính phủ duyệt y, mở rộng ngoại thương, thực hiện thăng bằng thu chi quốc tế, phát triển sản xuất và ổn định vật giá trong nước.

Phát huy tác dụng kiểm soát bằng đồng tiền, giúp đỡ và thúc đẩy các tổ chức xuất nhập khẩu quốc doanh củng cố chế độ hạch toán kinh tế, đẩy mạnh tốc độ luân chuyển hàng hóa và tiền tệ, sử dụng vốn hợp lý và tích lũy vốn cho Nhà nước.

Mục B — CƠ CẤU VỐN LUÂN CHUYỀN CỦA CÁC TỔ CHỨC XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC DOANH

Điều 2.— Hoạt động của các tổ chức xuất nhập khẩu gồm có :

a) Mua hàng của các Công ty Mậu dịch nội địa và các xí nghiệp hợp tác xã trong nước để xuất khẩu.

b) Nhập hàng của nước ngoài để bán cho các Công ty Mậu dịch quốc doanh nội địa và các cơ quan xí nghiệp trong nước.

c) Thuê vận tải và bảo hiểm hàng hóa từ hải cảng hay biên giới ra nước ngoài và từ nước ngoài về hải cảng và biên giới.

— Mức và đối tượng được vay vốn của Ngân hàng quy định như sau :

a) 100% tồn kho thực tế thành phẩm đợi xuất khẩu. Giá trị vật tư gồm có giá mua cộng với chi phí lưu chuyển, chi phí bao bì gói ghém đi với hàng hóa và thuế hàng hóa, (nếu phải trả thay cho tổ chức cung cấp).

100% giá trị hàng hóa đã xuất ra nước ngoài nhưng còn nhờ Ngân hàng thu hộ; giá trị này gồm có giá thành tại khâu cộng với thuế xuất khẩu (nếu phải trả thuế). Trường hợp xuất lỗ, mức cho vay sẽ định theo giá bán.

b) 100% giá trị hàng hóa nhập khẩu, cộng với thuế nhập khẩu (nếu phải trả thuế).

c) 100% chi phí về vận tải và bảo hiểm nói trên. Tất cả các khoản khác thuộc vốn luân chuyển của các tổ chức xuất nhập khẩu đều không được Ngân hàng cho vay mà phải do vốn riêng của các tổ chức ấy thỏa mãn như : tiền mặt ở quỹ, bao bì ở kho, vật liệu mau hư rẻ tiền, v.v...

Mục C — CÁC NGUYÊN TẮC CHO VAY

Điều 3.— Cho vay xuất nhập khẩu là làm theo chính sách tín dụng ngắn hạn trực tiếp dựa trên các nguyên tắc :

1 — Ngân hàng cho vay theo những mục đích nhất định, định rõ trong kế hoạch.

2 — Ngân hàng cho vay theo mức thực hiện kế hoạch.

3 — Đơn vị vay tiền của Ngân hàng phải trả số tiền vay đúng kỳ hạn ghi trong kế hoạch.

4 — Số tiền vay của Ngân hàng luôn luôn phải có một số vật tư trị giá tương đương bảo đảm.

Điều 4.— Cho vay xuất nhập khẩu, trừ cho vay thu mua, thuộc loại cho vay không dùng tiền mặt mà chỉ chuyển tiền từ tài khoản của đơn vị mua sang tài khoản của đơn vị bán.

Mục D — CÁC LOẠI CHO VAY

Điều 5.— Căn cứ vào tình hình kinh doanh hiện nay của các tổ chức xuất nhập khẩu quốc doanh và dựa theo tính chất kinh tế khác nhau của việc sử dụng vốn, Ngân hàng quy định năm loại cho vay dưới đây :

1 — Cho vay dự trữ hàng hóa để xuất khẩu

- 2 — Cho vay giấy tờ thanh toán hàng xuất trên đường đi
- 3 — Cho vay hàng hóa nhập khẩu
- 4 — Cho vay chi phí vận tải và bảo hiểm
- 5 — Cho vay về nhu cầu tạm thời.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG CÁC LOẠI CHO VAY

Mục A — CHO VAY DỰ TRỮ HÀNG HÓA ĐỂ XUẤT KHẨU

Điều 6. — Ngân hàng cho vay căn cứ vào kế hoạch mua vào, bán ra, kế hoạch tồn kho hàng tháng, hàng quý đã được Bộ Ngoại thương và Thủ tướng phê duyệt y.

Sau khi xác định số lượng hàng cần phải mua vào để chuẩn bị xuất khẩu trong tháng, Ngân hàng sẽ lấy giá mua theo kế hoạch cộng với phí tồn lưu chuyển hàng hóa và thuế hàng hóa (nếu phải trả) mà định mức cho vay. Trong phạm vi số tiền được vay, đơn vị vay vốn sẽ lần lượt lập kế ước để nhận tiền theo nhu cầu thực tế.

Điều 7. — Thời hạn cho vay sẽ quy định căn cứ theo kế hoạch xuất khẩu và hợp đồng xuất ký với các tổ chức ngoại thương hay thương nhân nước ngoài.

Điều 8. — Mỗi tháng từ ngày 10 đến ngày 15 Ngân hàng sẽ làm thủ tục điều chỉnh tài khoản cho vay để làm cho số dư nợ phù hợp với tồn kho hàng hóa trong mức đã quy định.

Khi điều chỉnh, Ngân hàng sẽ lấy giá trị tồn kho thực tế theo kế hoạch, trừ đi số tiền hàng chưa trả cho các tổ chức cung cấp. Giá trị còn lại là giá trị tồn kho thực tế để so sánh với số dư nợ của Ngân hàng.

Có mấy trường hợp sau đây :

1 — Nếu số dư nợ cuối tháng trước cao hơn giá trị tồn kho thực tế theo kế hoạch, thì Ngân hàng sẽ chủ động trích tài khoản thanh toán của đơn vị vay để thu hồi số nợ không có đảm bảo, nếu tài khoản không có tiền thì sẽ chuyển qua nợ quá hạn.

2 — Nếu số dư nợ cũ thấp hơn giá trị tồn kho thực tế theo kế hoạch, thì đơn vị vay có thể xin vay thêm giá trị chênh lệch.

3 — Nếu giá trị tồn kho thực tế cuối tháng trước cao hơn mức kế hoạch đã được duyệt y thì phần vượt mức kế hoạch sẽ giải quyết theo Điều 20, 21 và 22.

— Hết hạn điều chỉnh mà đơn vị vay không nộp cho Ngân hàng bằng tồn kho thực tế để làm cơ sở điều chỉnh Ngân hàng sẽ chủ động trích tài khoản thanh toán để thu hồi nợ. Riêng bản cân đối tài sản thì khi đơn vị xuất nhập khẩu gửi Bộ Ngoại thương thì đồng thời phải gửi Ngân hàng.

Mục B — CHO VAY VỀ GIẤY TỜ THANH TOÁN HÀNG XUẤT TRÊN ĐƯỜNG ĐI

Điều 9. — Đối với hàng hóa đã xuất khẩu nhưng chưa thu được tiền ngay mà phải nhờ Ngân hàng thu hộ, Ngân hàng sẽ cho vay những khoản gọi là cho vay về giấy tờ thanh toán trên đường đi.

Điều 10. — Mức cho vay quy định như sau :

Trường hợp xuất lỗ, tổ chức xuất nhập khẩu chỉ được vay theo giá trị hóa đơn và giấy đòi nợ thương nhân nước ngoài. Số tiền vay sẽ dùng để trả khoản nợ đã vay khi dự trữ hàng hóa để chuẩn bị xuất khẩu. Nếu khoản vay mới không đủ để trả hết khoản nợ cũ thì Ngân hàng sẽ trích tài khoản thanh toán của đơn vị vay để thu hồi nốt phần nợ cũ còn thiếu.

Trường hợp xuất lãi, Ngân hàng chỉ cho vay theo giá thành thứ hàng ấy ở khẩu và số tiền vay sẽ dùng để trả nợ đã vay khi chuẩn bị hàng xuất.

Thời hạn trích xuất cho Ngân hàng các chứng từ nhờ thu hộ là 5 ngày lao động kể từ ngày chuyển chỗ hàng nếu xuất hàng ở Hà nội và 10 ngày lao động nếu xuất hàng ở Hải phòng — Cẩm phả — Hồng gai. Quá thời hạn ấy, Ngân hàng có thể không cho vay mà chỉ thu hộ thôi.

Điều 11. — Thời hạn cho vay sẽ quy định căn cứ vào hai lần thời gian luân chuyển bình thường của giấy tờ theo đường Bưu điện giữa Ngân hàng Quốc gia Việt-nam và Ngân hàng nước ngoài, cộng thêm thời gian chấp nhận và trả tiền 10 ngày của thương nhân nước ngoài và thời gian làm thủ tục giấy tờ trong hai ngân hàng 6 ngày. Nếu số tiền thu hộ được chuyển trả bằng điện tín thì thời hạn cho vay sẽ là một lần thời gian trên.

Điều 12. — Trường hợp các giấy đòi nợ nhờ Ngân hàng thu hộ bị thương nhân nước ngoài từ chối không chấp nhận một phần hay toàn bộ thì Ngân hàng sẽ xét tình hình cụ thể để cho gia hạn hoặc chủ động trích tài khoản thanh toán của đơn vị vay để thu hồi phần tương đương hay toàn bộ nợ đã vay.

Mục C. — CHO VAY HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Điều 13. — Ngân hàng cho vay theo giá trị của giấy đòi nợ của Ngân hàng nước ngoài cộng thêm phí vận tải nếu có. Ngân hàng có thể cho vay

riêng từng khoản theo từng giấy đòi nợ của Ngân hàng nước ngoài, hoặc cho vay gộp theo nhiều giấy đòi nợ thuộc hàng hóa về cùng một chuyến tàu. Nếu giấy đòi nợ thuộc hàng hóa về hai chuyến tàu khác nhau thì Ngân hàng không cho vay gộp.

Trường hợp các tổ chức xuất nhập khẩu phải nộp thuế hàng nhập thì tiền thuế được cộng thêm vào số tiền cho vay.

Điều 14. — Thời hạn cho vay sẽ tính xuất phát từ thời gian vận chuyển hàng hóa từ nước ngoài đến cảng hoặc ga xe lửa bên ta, trừ bớt thời gian các chứng từ gửi theo đường bưu điện từ Ngân hàng nước ngoài đến Ngân hàng Quốc gia Việt nam, cộng thêm thời gian phân phối hàng đó cho các tổ chức mua ở nội địa. Thời gian phân phối hàng nhập ở nội địa sẽ quy định tùy tình hình luân chuyển giấy tờ và tính chất hàng hóa.

Điều 15. — Tiền bán hàng nhập mậu dịch cũng như các khoản thu về hàng xuất, đều phải nộp vào tài khoản thanh toán của các đơn vị vay để đảm bảo trả nợ Ngân hàng.

Mục D — CHO VAY CHI PHÍ VẬN TẢI VÀ BẢO HIỂM

Điều 16. — Ngân hàng cho Cục Giao nhận mậu dịch đối ngoại vay toàn bộ chi phí vận tải bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu căn cứ theo kế hoạch năm, quý, tháng đã được duyệt y.

Chi phí vận tải gồm có tiền thuê tàu thủy hay toa xe lửa từ hải cảng hay biên giới của nước ta đến các nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến hải cảng hay biên giới nước ta.

Chi phí bảo hiểm gồm có tiền mua bảo hiểm về hàng hóa xuất nhập khẩu.

Ngân hàng không cho vay các chi phí vận tải trong nội địa và các chi phí bốc dỡ lên xuống tàu và toa xe lửa, các chi phí lưu kho, lưu bãi, kiểm nghiệm, hàn xi, niêm bao bì đóng gói, v.v.. Các chi phí vận tải trong nước sẽ cho vay theo chế độ nội địa.

Điều 17. — Ngân hàng cho vay trong các trường hợp sau đây:

1— Nhập khẩu:

a) Mua FOB: nếu nhờ nước ngoài thuê tàu và mua bảo hiểm thì Ngân hàng cho vay theo chứng từ của các Công ty vận tải và bảo hiểm do Ngân hàng nước ngoài gửi cho Ngân hàng Quốc gia Việt nam. Nếu Cục Giao nhận trực tiếp thuê tàu và mua bảo hiểm thì Ngân hàng cho vay căn cứ theo hợp đồng và giấy đòi nợ của các Công ty vận tải và bảo hiểm ngoại quốc.

b) Mua CF: Ngân hàng chỉ cho vay chi phí bảo hiểm căn cứ vào hợp đồng bảo hiểm, vì chi phí vận tải đã tính vào giá hàng.

Trong hai trường hợp mua FOB và mua CF, nếu Cục Giao nhận được trả ba tháng hay sáu tháng một lần các chi phí vận tải và bảo hiểm cho nước ngoài và trong lúc đó Cục Giao nhận đã được các đơn vị xuất nhập khẩu hoàn lại một phần các chi phí ấy thì Ngân hàng chỉ cho vay phần còn lại của các chi phí đó.

c) Mua CIF: Trường hợp mua CIF, chi phí vận tải và bảo hiểm đã tính vào giá hàng rồi, thì Ngân hàng không cho vay.

2— Xuất khẩu:

a) Bán CIF: Cục Giao nhận đứng ra thuê tàu và mua bảo hiểm, sẽ được vay theo số tiền ghi trong hợp đồng vận tải và bảo hiểm ký với các Công ty vận tải và bảo hiểm nước ngoài.

b) Bán FOB: Ngân hàng sẽ không cho vay, nhưng nếu Cục Giao nhận đứng thuê tàu và mua bảo hiểm hộ cho thương nhân nước ngoài thì Ngân hàng sẽ cho vay căn cứ vào hợp đồng vận tải và bảo hiểm.

Điều 18. — Thời hạn cho vay sẽ do Ngân hàng tùy trường hợp cụ thể mà quy định, nhưng thời hạn tối đa không quá hai tháng.

Điều 19. — Ngân hàng có thể cho các đơn vị xuất nhập khẩu vay để trả các chi phí vận tải và bảo hiểm cho Cục Giao nhận và thời hạn cho vay sẽ căn cứ vào thời hạn bán số hàng nhập hay thời hạn nhận tiền hàng xuất có liên quan đến các chi phí đó. Trường hợp đã bán xong số hàng nhập và đã nhận được tiền hàng xuất thì Ngân hàng sẽ không cho vay.

Mục E — CHO VAY VỀ NHU CẦU TẠM THỜI

Điều 20. — Các tổ chức xuất nhập khẩu có thể gặp những khó khăn tạm thời về vốn luân chuyển do hoàn cảnh khách quan gây nên như:

Mua tập trung vì điều kiện thời vụ, hoặc tàu đến chậm hay tàu không chở hết hàng v.v... làm cho tồn kho hàng hóa vượt mức kế hoạch. Trong những trường hợp ấy, Ngân hàng có thể xét cho vay tạm thời, nhưng mức cho vay không thể vượt quá khả năng vốn dự trữ ghi trong kế hoạch tin dụng tổng hợp của quý đã được Chính phủ duyệt y.

Điều 21. — Muốn vay về loại này, các tổ chức xuất nhập khẩu phải trình bày rõ nguyên nhân và nộp cho Ngân hàng những giấy tờ chứng thực có liên quan như chỉ thị của cấp trên cho mua vượt mức, v.v... Đồng thời đơn vị vay phải có kế hoạch cụ thể tiêu thụ các thứ hàng đó. Thời hạn cho

vay về nhu cầu tạm thời dài nhất không quá hai tháng. Lúc đến hạn mà không trả, Ngân hàng chủ động trích tài khoản thanh toán để trừ nợ về.

Điều 22.— Ngân hàng không cho vay để dự trữ hàng hóa vượt mức kế hoạch trong những trường hợp do nguyên nhân chủ quan của các tổ chức xuất nhập khẩu gây nên như vì bảo quản kém để hàng hóa bị hư hỏng hay vì thiếu thận trọng, mua phải hàng hóa kém chất lượng không bán được.— Trong những trường hợp trên, Ngân hàng sẽ chủ động trích tài khoản thanh toán để thu hồi nợ.

CHƯƠNG II

LÃI SUẤT CÁC LOẠI CHO VAY

Điều 23.— Lãi suất các loại cho vay xuất nhập khẩu sẽ tính theo lãi suất chung của Ngân hàng Quốc gia Việt nam về tín dụng ngắn hạn.

Điều 24.— Đối với các khoản cho vay hàng hóa nhập của các nước tư bản, lãi sẽ tính từ ngày Ngân hàng nước ngoài ghi nợ Ngân hàng Quốc gia Việt nam.

Điều 25.— Lãi sẽ tính theo từng giấy nhận nợ và sẽ thu khi trả vốn. Trường hợp mới trả một phần vốn thì vẫn phải trả lãi cho phần vốn đó. Trả nợ dần lần nào tính lãi lần ấy.

CHƯƠNG IV

LẬP VÀ XÉT DUYỆT KẾ HOẠCH VAY TRẢ

Điều 26.— Kế hoạch vay vốn và trả nợ Ngân hàng sẽ làm theo từng loại vay đã quy định ở Điều 5, Mục D, Chương I— Riêng về loại cho vay nhu cầu tạm thời, đơn vị vay vốn không phải làm kế hoạch, Ngân hàng sẽ căn cứ vào khoản vốn dự trữ trong kế hoạch tín dụng tổng hợp để cho vay loại này.

Điều 27.— Các tổ chức xuất nhập khẩu, Cục Giao nhận Mậu dịch đối ngoại phải gửi các kế hoạch theo các thời hạn sau đây:

- Kế hoạch năm 45 ngày trước năm sau
- Kế hoạch quý 25 ngày trước quý sau
- Kế hoạch tháng 5 ngày trước tháng sau.

Các kế hoạch đều phải có ý kiến của Bộ Ngoại thương.

Điều 28.— Sau khi xét kế hoạch vay vốn của các đơn vị vay Ngân hàng ghi vào kế hoạch tín dụng tổng hợp và trình Chính phủ duyệt y. Trong lúc chờ đợi duyệt y, Ngân hàng có thể tạm thời cho vay trong phạm vi 30% kế hoạch tháng để

khỏi trở ngại cho việc kinh doanh của các tổ chức xuất nhập khẩu. Trong phạm vi kế hoạch đã được duyệt y, các đơn vị sẽ căn cứ vào nhu cầu thực tế để vay, nghĩa là thực hiện kế hoạch đến đâu vay đến đó.

Khi các tổ chức xuất nhập khẩu có thay đổi kế hoạch xuất nhập khẩu, kế hoạch tài vụ nên phải sửa đổi kế hoạch vay vốn, thì trước hết Bộ Ngoại thương phải điều chỉnh trong phạm vi tổng số tiền cho vay toàn bộ các tổ chức xuất nhập khẩu trong quý đã được duyệt y. Nếu vẫn chưa giải quyết được thì Ngân hàng sẽ báo cáo lên Thủ tướng phủ giải quyết.

CHƯƠNG V

THẺ THỨC GIẤY TỜ

Điều 29.— Hàng tháng các tổ chức xuất nhập khẩu phải gửi đến Ngân hàng những giấy tờ cần thiết sau đây:

1 — Kế hoạch luân chuyển hàng hóa trong tháng, kế hoạch này gồm có:

- Kế hoạch mua hàng và kế hoạch bán hàng trong nước
- Kế hoạch mua hàng và kế hoạch bán hàng ra ngoài nước.
- Kế hoạch tồn kho.

2 — Kế hoạch tài vụ trong tháng, kế hoạch này gồm có:

- Kế hoạch thu chi tài vụ tổng hợp
- Kế hoạch định mức vốn dự trữ hàng hóa
- Kế hoạch nộp thuế
- Kế hoạch vay và trả nợ Ngân hàng.

3 — Bảng cân đối tài sản tháng trước kèm theo các bảng phụ. Khi nào các tổ chức xuất nhập khẩu gửi bảng cân đối tài sản cho Bộ Ngoại thương thì đồng gửi Ngân hàng.

4 — Các Cục Giao nhận phải nộp kế hoạch thuế tàu, kế hoạch mua bảo hiểm, kế hoạch thu chi tài vụ và kế hoạch vay trả.

Điều 30.— Mỗi lần vay phải có đơn vay nói rõ số tiền xin vay, mục đích sử dụng số tiền ấy, thời hạn trả. Sau khi đơn vay được chấp nhận, và cán bộ tín dụng làm xong bảng tính mức cho vay, đơn vị vay mới ký khế ước nhận tiền vay.

CHƯƠNG VI

KIỂM TRA SỬ DỤNG VỐN CHO VAY

Điều 31.— Để Ngân hàng có thể kiểm tra việc sử dụng vốn cho vay, các đơn vị vay phải gửi đến Ngân hàng các giấy tờ sau đây:

1 — báo cáo tình hình tồn kho thực tế cuối mỗi tháng

2 — báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch luân chuyển hàng hóa

— báo cáo thu chi tài vụ hàng tháng

4 — bảng cân đối tài sản hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

Thời hạn gửi các báo cáo trên phải đúng với thời gian các đơn vị ấy gửi cho Bộ Ngoại thương.

Điều 32 — Ngân hàng kiểm tra sử dụng vốn, chủ yếu là kiểm tra số vật tư làm đảm bảo các khoản cho vay.

Việc kiểm tra tiến hành không những trước khi vay mà cả sau khi đã cho vay. Hàng tháng Ngân hàng phải căn cứ vào báo cáo tình hình biến đổi của vật tư tồn kho và bảng cân đối tài sản để tiến hành kiểm tra.

Việc kiểm tra làm qua số liệu các báo cáo và trực tiếp đến tận nơi xem xét sổ sách kế toán và kho tàng của các đơn vị vay vốn.

Điều 33 — Các vật tư đảm bảo các khoản cho vay gồm có :

1 — Hàng hóa tồn kho

2 — Hàng hóa đang vận chuyển trên đường đi (xuất khẩu)

3 — Hàng hóa mua đã trả tiền rồi nhưng chưa nhập kho,

4 — Hàng nhập đã phân phối còn nhờ Ngân hàng thu hộ theo lời nhờ thu nhận trả.

5 — Các chi phí bao bì đi với hàng hóa, Thuế hàng hóa, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được cộng thêm vào giá trị các vật tư trên.

Các hàng hóa sau đây sẽ phải bị loại ra khỏi đảm bảo :

1 — Hàng hóa kém phẩm chất hoặc hư hỏng,

2 — Hàng hóa đã mua nhưng chưa trả tiền cho người bán

3 — Hàng hóa không bán chạy, bị ứ đọng quá thời gian.

Điều 34 — Trong khi kiểm tra, nếu thấy hàng hóa ít hơn số tiền đã vay, Ngân hàng sẽ thu hồi số tiền cho vay không có vật tư đảm bảo bằng cách chủ động trích tài khoản thanh toán của các đơn vị vay. Nếu tài khoản thanh toán không có tiền thì sẽ chuyển sang nợ quá hạn và thu hồi theo trật tự bắt buộc.

CHƯƠNG VII

CÁC HÌNH THỨC KỶ LUẬT

Điều 35 — Các đơn vị vay tiền Ngân hàng phải chấp hành đúng kỷ luật trả nợ và kỷ luật báo cáo đã quy định.

Các khoản cho vay phải được hoàn lại theo đúng kỳ hạn đã quy định trừ trường hợp được gia hạn. Trường hợp vốn của các đơn vị ấy được thu hồi trước kỳ hạn thì Ngân hàng sẽ thu hồi nợ trước kỳ hạn. Nếu đến hạn không trả nợ, trừ trường hợp đặc biệt, Ngân hàng sẽ chủ động trích tài khoản thanh toán để thu về. Nếu trong tài khoản thanh toán không đủ tiền, nợ chưa trả sẽ chuyển qua nợ quá hạn và chịu lãi gấp rưỡi.

Đối với các hàng hóa bị loại ra khỏi bảo đảm, Ngân hàng sẽ chủ động thu hồi nợ theo trật tự đã nói trên.

CHƯƠNG VIII

Điều 36 — Tất cả những quy định về cho vay xuất nhập khẩu trước đây, trái với thể lệ và biện pháp này đều bãi bỏ.

Hà-nội, ngày 6 tháng 12 năm 1958

Tổng Giám đốc

Ngân hàng Quốc gia Việt-nam

LÊ VIẾT LƯỢNG

BỘ Y TẾ

THÔNG TƯ số 1313-BYT/TT ngày 1-12-1958 quy định chế độ trang bị bảo hộ lao động và đãi ngộ cho cán bộ công nhân viên làm công tác điều trị và phục vụ bệnh nhân lao.

Kính gửi : Các Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh.

Các Khu, Sở, Ty Y tế.

Các Bệnh viện, Viện Điều dưỡng.

Ngày 15-10-1957 Bộ đã ra thông tư số 45-BYT/TT về chế độ bồi dưỡng sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên làm công tác điện quang, radium, công tác điều trị và phục vụ bệnh nhân lao, hủi, nhưng còn một số chế độ khác như: nghỉ bệnh, chữa bệnh, chế độ làm việc, nghỉ phép, học tập v.v... chưa được quy định cụ thể.

Sau khi trao đổi với Bộ Nội vụ, Lao động, Tài chính và được Thủ tướng phủ chuẩn y, Bộ quy định chế độ trang bị cho những cán bộ, công nhân viên làm công tác điều trị và phục vụ bệnh nhân lao như sau : (còn đối với cán bộ, công nhân viên phục vụ bệnh nhân hủi, công tác điện quang, radium sẽ nghiên cứu quy định sau).